

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/DS-ST**

Ngày: 28/8/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Tùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Văn Tài**;
2. Bà **Nguyễn Thị Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Ngọc Ái Linh** - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Lý** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST – KDTM ngày 19/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: B P, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng K - sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ I, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Lê Tấn T – sinh năm 1970 (đã chết)

Bà Lê Thị Phương L1 - sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lê Tấn T:

1. Bà Lê Thị Phương L1 – sinh năm 1972

2. Ông Lê Tấn T1 – sinh năm 1994

3. Cháu Lê Ngọc An A – sinh ngày 12/4/2009 (do bà Lê Thị Phương L1 – sinh năm 1972 là mẹ ruột làm đại diện)

4. Bà Lê Ngọc Thanh T2 – sinh năm 2002

5. Bà Lê Ngọc Kim Q – sinh năm 1997

6. Bà Lê Ngọc Kim N – sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: A, tỉnh lộ 765, ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai

(ông K – bà L1 có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa, ông Lê Trọng K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/02/2015, ông Lê Tấn T và bà Lê Thị Phương L1 có vay vốn của Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số 62/2015/HĐTD-HMDP-CN ngày 26/02/2015 với số tiền 3.150.000.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bán ô tô, phụ tùng xe cơ giới, lãi suất cho vay 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận được qui định tại hợp đồng dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trả vào ngày 26 hàng tháng, nợ gốc trả một lần khi đến hạn.

Đến ngày 14/3/2016, ông T – bà L1 có ký giấy nhận nợ số 02-62/2015 cho Ngân hàng theo Hợp đồng dụng trên, cụ thể: nợ gốc 3.150.000 đồng, nợ lãi 128.362.500 đồng; hẹn đến ngày 14/3/2017 sẽ thanh toán tiền gốc một lần, còn tiền lãi suất vẫn giữ nguyên như Hợp đồng tín dụng số 62/2015/HĐTD-HMDP-CN.

Ngày 24/5/2017, ông T – bà L1 vay tiếp của Ngân hàng 3.145.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 176/2017/HĐTDHM-CN, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng vốn vay và kế hoạch trả nợ giống với Hợp đồng dụng lần đầu.

Để đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản vay, ông T – bà L1 đã thế chấp: thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21 - ấp S, xã X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36/HĐTC – 2014 ngày 27/12/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi, bổ sung số 36A/HĐTBBS-2014 ngày 22/5/2017; thửa đất số 122, tờ bản đồ số 09 - ấp V, xã X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 56/HĐTC – 2014 ngày 21/3/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi, bổ sung số 56A/HĐTBBS-2014 ngày 22/5/2017; thửa đất số 1939 và 657, tờ bản đồ số 08 - ấp V, xã X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35/HĐTC – 2014 ngày 27/02/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi, bổ sung số 35A/HĐTBBS-2014 ngày 22/5/2017.

Sau khi nhận nợ khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 176/2017/HĐTDHM-CN vào ngày 24/5/2017 thì ông T, bà L1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng mới đi khởi kiện.

Trong thời gian nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án thì bà L1 có đến thanh toán bớt một số nợ cho Ngân hàng. Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 62/2015/HĐTD-HMDP-CN ngày 26/02/2015, bà L1 đã thanh toán được 3.517.500.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 3.150.000.000 đồng, nợ lãi là 367.500.000 đồng. Số tiền nợ lãi còn lại chưa thanh toán 128.362.500 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 176/2017/HĐTD-HMDP-CN ngày 24/5/2017, bà L1 đã thanh toán được nợ gốc 1.205.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ lãi.

Tính đến ngày 28/8/2025, tổng số tiền mà ông Lê Tấn T và bà Lê Thị Phương L1 còn nợ là: 6.837.764.255 đồng, trong đó: nợ gốc 1.945.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 505.775.651 đồng; lãi suất quá hạn 4.114.102.192 đồng; phạt chậm trả lãi suất 272.886.413 đồng. Do ông T đã chết nên Ngân hàng yêu cầu bà L1 và những người thuộc hàng thừa kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ trên và tiếp tục trả các khoản lãi, lãi chậm trả lãi và các chi phí phát sinh khác kể từ ngày 29/8/2025 đến khi trả hết nợ. Yêu cầu bà L1 phải thanh toán lại toàn bộ chi phí tố tụng lại cho Ngân hàng mà trước đây nguyên đơn đã tạm ứng.

Đối với các tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: Ngân hàng chỉ yêu cầu Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1939, 657 tờ bản đồ số 08 tại ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35/HĐTC-2014 ngày 27/02/2014, số công chứng 0713, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi bổ sung số 35A/HĐTCBS-2014 ngày 22/05/2017, số công chứng 4379, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD được đăng ký thế chấp ngày 27/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh X) là tài sản đảm bảo cho khả năng thi hành án.

Trường hợp sau khi thi hành án tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan thì bà Lê Thị Phương L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

* Theo các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lê Thị Phương L1 trình bày:

Bà thừa nhận ông T và bà có vay các Hợp đồng tín dụng như trên. Tính đến ngày 28/8/2025 ông T và bà còn nợ đúng số tiền mà Ngân hàng đã liệt kê. Do gia đình bà làm ăn thất bại, mẹ mất, chồng mất, con bệnh tật nên chưa trả được các khoản nợ trên. Ông T mất trong giai đoạn Tòa án thu lý giải quyết. Bà đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T chính là con chung giữa bà và ông T nhưng bận việc hoặc bệnh tật nên không thể đến Tòa án làm việc được.

* Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác, không có lời trình bày.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – tỉnh Đồng Nai:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên không kiến nghị gì.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 299, 303, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Tấn T – bà Lê Thị Phương L1 vay tiền của Ngân hàng TMCP S để kinh doanh mua bán ô tô, phụ tùng xe cơ giới nên quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, ông Lê Tấn T – bà Lê Thị Phương L1 là bị đơn, ông Lê Tấn T đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bà L1 và Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Tấn T.

[3] Về vấn đề thủ tục tố tụng: các con của ông T – bà L1 là Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu của các đương sự nhận thấy:

* Đối với yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn: Ngân hàng và bà L1 đã thống nhất được số nợ tính đến ngày 28/8/2025 là: 6.837.764.255 đồng, trong đó: nợ gốc 1.945.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 505.775.651 đồng; lãi suất quá hạn 4.114.102.192 đồng; phạt chậm trả lãi suất 272.886.413 đồng. Do đó, cần buộc bà L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm: Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ trên và tiếp tục trả các khoản lãi, lãi chậm trả lãi và các chi phí phát sinh khác kể từ ngày 29/8/2025 đến khi trả hết nợ.

* Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35/HĐTC-2014 ngày 27/02/2014, số công chứng 0713, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi bổ sung số 35A/HĐTCBS-2014 ngày 22/05/2017, số công chứng 4379, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD được đăng ký thế chấp ngày 27/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh X): Ngân hàng tiếp tục yêu cầu bà L1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T sử dụng Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1939, 657 tờ bản đồ số 08 tại ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho khả năng thi hành án. Xét bà L1 đồng ý và yêu cầu này cũng phù hợp với quy định của pháp luật

nên được chấp nhận. Trường hợp sau khi thi hành án mà tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan thì bà Lê Thị Phương L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

[5] Về chi phí tố tụng: vào ngày 27/8/2019 nguyên đơn tạm ứng 2.000.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và vào ngày 29/02/2024 nguyên đơn tạm ứng lần 2 là 6.000.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và 1.000.000 đồng lệ phí thu thập chứng cứ. Tổng cộng là 9.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà L1 phải thanh toán lại toàn bộ số tiền trên. Tại phiên tòa, bà L1 cũng đồng ý với yêu cầu này nên buộc bà L1 phải thanh toán lại cho Ngân hàng 9.000.000 đồng chi phí tố tụng.

[6] Về phí: Bà L1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng S tạm tính đến ngày 28/8/2025 (tổng tiền gốc và lãi suất: 6.837.764.255 đồng) là 114.837.764 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 85, 91, 92, 93, 147, 227, 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 299, 303, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1. Buộc bà Lê Thị Phương L1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Tấn T là các ông, bà: Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 6.837.764.255 đồng (tạm tính đến ngày 28/8/2025).

Bà Lê Thị Phương L1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Tấn T là các ông, bà: Lê Tấn T1, Lê Ngọc Thanh T2, Lê Ngọc An A, Lê Ngọc Kim Q, Lê Ngọc Kim N có trách nhiệm tiếp tục trả lãi suất cho Ngân hàng thương mại cổ phần S kể từ ngày 29/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 62/2015/HĐTD-HMDP-CN ngày 26/02/2015, Hợp đồng tín dụng số: 176/2017/HĐTD-HMDP-CN ngày 24/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Lê Tấn T, bà Lê Thị Phương L1

2. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35/HĐTC-2014 ngày 27/02/2014, số công chứng 0713, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi bổ sung số 35A/HĐTCBS-2014 ngày 22/05/2017, số công chứng 4379, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD được đăng ký thế chấp ngày 27/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh X) đối với Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1939, 657 tờ bản đồ số 08 tại ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo khả năng thi hành án về sau cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trường hợp sau khi thi hành án mà tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan thì bà Lê Thị Phương L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Phương L1 có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 9.000.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Phương L1 phải nộp 114.837.764 (Một trăm mười bốn triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi tư) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 55.284.120 (Năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn một trăm hai mươi) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 007216 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn Lê Thị Phương L1 biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV6, tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV6;
- Lưu, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng